

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

I. Tổng quan về tình hình kinh tế 6 tháng đầu năm 2022

Cuối tháng 2, cuộc chiến Nga - Ucraina khai hỏa đã làm trầm trọng thêm những khó khăn và ảnh hưởng đến đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu vốn dĩ đang bị khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19. Giá các mặt hàng leo thang, đặc biệt là khí đốt, khí tự nhiên hóa lỏng, dầu thô. Tình trạng lạm phát diễn ra trên toàn cầu là điều khó tránh khỏi.

Trong Quý 1 năm 2022, nền kinh tế nước ta vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài từ năm 2020, số ca mắc tiếp tục tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố chủ yếu, tuy nhiên với tỷ lệ bao phủ vắc xin cao trên phạm vi toàn quốc, nên số ca nặng và tỷ lệ tử vong trên số ca mắc giảm sâu. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế thời gian qua của Quốc hội và Chính phủ, nền kinh tế nước ta đã đạt được sự tăng trưởng GDP quý I ước tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,72% của quý I năm 2021 và 3,66% của quý I năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,85% của quý I năm 2019. Trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38%, đóng góp 51,08% vào mức tăng trưởng chung, kế đến là khu vực dịch vụ tăng 4,58%, đóng góp 43,16% và sau đó là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, đóng góp 5,76% vào mức tăng trưởng chung^[1].

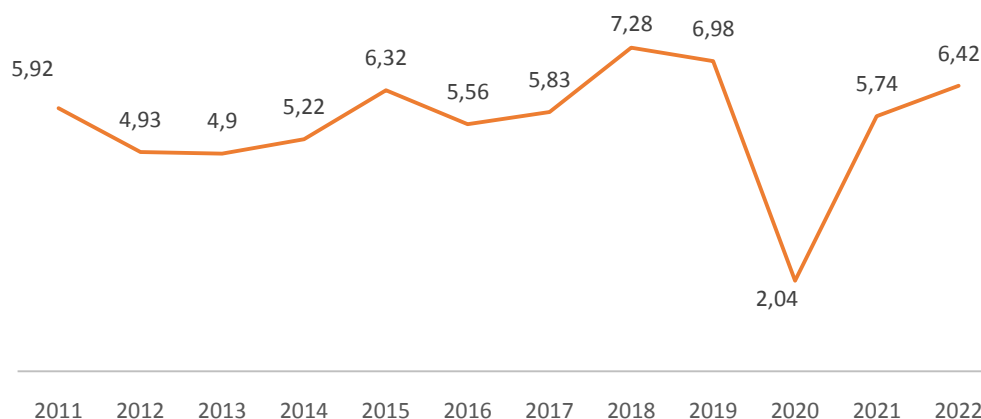
Bước sang Quý 2 năm 2022, chiến sự Nga - Ucraina vẫn diễn biến phức tạp, giá dầu, khí đốt tăng cao, lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế và mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 6-6,5%, các Bộ ban ngành địa phương đã nỗ lực, quyết liệt thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ. Kinh tế xã hội nước ta đã khởi sắc ở hầu hết các ngành và lĩnh vực. Tổng sản phẩm trong nước GDP Quý 2 ước tính tăng 7,72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý II các năm trong giai đoạn 2011-2021^[2].

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022 ước tính GDP toàn nền kinh tế tăng khoảng 6,42%, cao hơn tốc độ tăng 2,04% của 6 tháng đầu năm 2020 và tốc độ tăng 5,74% của 6 tháng đầu năm 2021. Tuy vậy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 7,28% và 6,98% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. So với mức tăng chung của toàn bộ nền kinh tế, khu vực xây dựng và công nghiệp chiếm vị trí dẫn đầu với mức tăng 7,7% đóng góp 48,33%, tiếp đến là

1-Nguồn: TCTK
2-Nguồn: TCTK

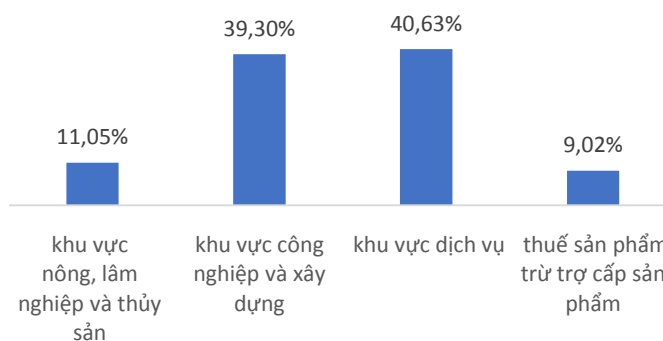
khu vực dịch vụ 6,6% đóng góp 46,6%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78%, đóng góp 5,07%^[3]

Ước tính 6 tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng toàn ngành xây dựng đạt 3,65%.



Hình 1. Biểu đồ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm các năm 2011-2022 (%)

Dự báo cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,98%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,90%; khu vực dịch vụ chiếm 40,21%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 9,91%.



Hình 2. Cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2022

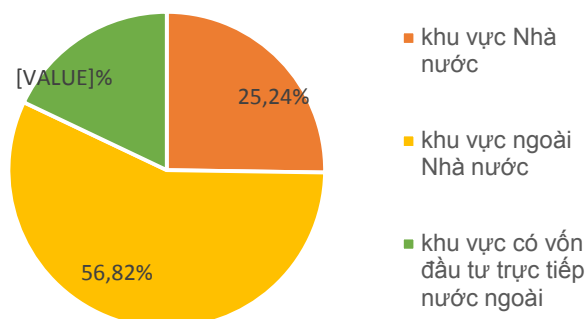
Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/01/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, các Bộ Ban Ngành đã nghiên cứu triển khai các phương án, biện pháp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, dịch bệnh Covid-19 về cơ bản được kiểm soát, mọi sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh đã trở lại trạng thái bình thường như trước. Tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2022 của nước ta tiếp tục phục hồi trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo; bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, xuất khẩu hàng hóa.

3-Nguồn: TCTK

Đầu tháng 1 năm 2022, Quốc hội đã thông qua gói hỗ trợ phục hồi kinh tế trị giá khoảng 347 nghìn tỷ đồng với mục tiêu tăng chi tiêu cho cơ sở hạ tầng đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động bị tác động bởi Covid nhằm tăng mức tăng trưởng GDP của cả năm lên 6-6,5%.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong 6 tháng đầu năm 2022 theo giá hiện hành đạt khoảng 1.301,2 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 328,4 nghìn tỷ đồng chiếm %; khu vực ngoài Nhà nước đạt 739,3 nghìn tỷ đồng, chiếm %; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 233,5 nghìn tỷ đồng, chiếm %^[4].



Hình 3. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2022

Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công mặc dù được đẩy mạnh, tính đến cuối tháng 6, ước tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công chỉ đạt 27,75% kế hoạch mà Thủ tướng giao, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021 (29,02%)^[5].

Các dự án giao thông trọng điểm quốc gia tiếp tục được thi công: Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2; Vành đai 4 Hà Nội; Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh... Bên cạnh đó, nhiều dự án quan trọng khác cũng tiếp tục được giải ngân vốn đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, dự kiến trong năm 2022 có 26 dự án giao thông trọng điểm sẽ hoàn thành: Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 279 đoạn Phố Ràng - Khau Co (Km67 - Km158), tỉnh Lào Cai; Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 đoạn qua tỉnh Thái Bình và cầu sông Hóa; Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 61B đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến thị trấn Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Dự án thành phần cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 1; Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 63 đoạn từ Km74+200 - Km112+782,59 thuộc tỉnh Cà Mau; Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 4E đoạn Bắc Ngâm - thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 15A đoạn Km301+500 - Km333+200, tỉnh Nghệ An; Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 279B, tỉnh Điện Biên; Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến quốc lộ 1, tỉnh Quảng Trị...

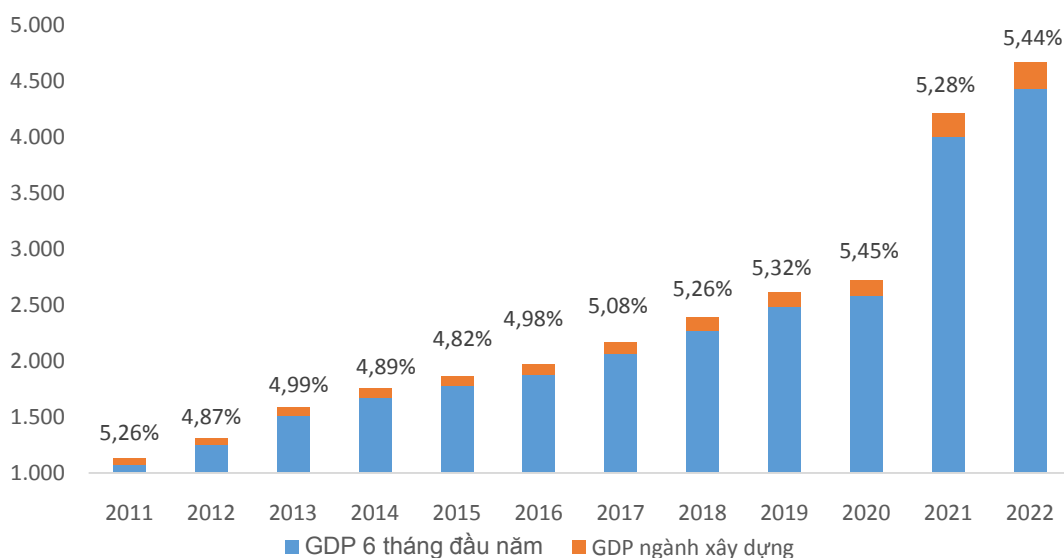
4-Nguồn: TCTK

5-Nguồn: <http://baochinhphu.vn>

Sau khi kiểm soát tốt dịch Covid-19, trong giai đoạn phục hồi kinh tế xã hội, các địa phương trên cả nước đang tập trung tiến độ thi công các công trình, dự án trọng điểm nhằm đẩy nhanh phát triển hạ tầng, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tại Hà Nội, một số dự án giao thông đang được đẩy nhanh thi công như Dự án đường sắt đô thị số 3 (đoạn Nhôn - ga Hà Nội), cầu vượt tại nút giao An Dương, cầu vượt chữ C ở nút giao Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch, hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3, Cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2 ... Trong 5 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt 15,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước và đạt 30,5% kế hoạch năm, cao hơn tỷ lệ trung bình cả nước.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, các dự án đang được đẩy nhanh tiến độ như: Dự án giải quyết ngập do triều khu vực TP.HCM, khởi công xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 2, đường vành đai 2, vành đai 3, nút giao thông An Phú, xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên mở rộng xa lộ Hà Nội, 4 tuyến đường chính trong khu đô thị Thủ Thiêm, nâng cấp đường Lương Định Của, cầu Tăng Long, nút giao Mỹ Thủy (TP Thủ Đức), cầu Long Kiểng (huyện Nhà Bè), hầm chui Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Hữu Thọ (quận 7)...



Hình 4. Cơ cấu GDP ngành xây dựng 6 tháng đầu năm các năm 2011-2022 (1.000 tỷ đồng)

Theo như các số liệu trong biểu đồ Hình 4, cơ cấu tổng sản phẩm ngành xây dựng nói chung không có biến động lớn qua các năm từ 2011-2022, thấp nhất là năm 2012 chiếm tỷ trọng 4,87%, cao nhất năm 2020 với tỷ trọng 5,45%.

II. Diễn biến thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2022.

Thị trường lao động các tháng cuối Quý 1 và sang đến Quý 2 đã tiếp tục phục hồi và đạt mức tăng trưởng khá. Lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với cùng kỳ năm trước.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước trong 6 tháng đầu năm 2022 ước tính là 51,4 triệu người, tăng khoảng 400.000 người so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 6 tháng đầu năm ước đạt 68,3%, không có nhiều biến động so với 6 tháng đầu năm 2021 (68,6%).

II.1. Lực lượng lao động ngành xây dựng và chất lượng

Mặc dù lực lượng lao động toàn ngành kinh tế nói chung sau khi kiểm soát đại dịch Covid-19 đã có chuyển biến tích cực so với năm 2020 và 2021, nhưng nguồn cung lực lượng lao động ngành xây dựng đang có sự dịch chuyển.

Thu nhập của ngành xây dựng ở mức trung bình so với các ngành sản xuất khác, nhưng do đặc thù của sản xuất xây dựng có tính chất lao động tương đối vất vả, bấp bênh, không ổn định, phải di chuyển theo công trình, xa gia đình. Trong khi đó mức lương của các khu công nghiệp, chế xuất hấp dẫn hơn, việc làm ổn định, không quá vất vả như ngành xây dựng và thường được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm. Vì vậy các khu công nghiệp và chế xuất đã thu hút được phần lớn lao động trẻ ở nông thôn.

Để đáp ứng nguồn cung lực lượng lao động, người sử dụng lao động thông qua các đơn vị cung ứng lao động đã phải đi đến các vùng sâu, vùng cao để tìm lao động cho ngành xây dựng. Đến các công trường xây dựng chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp các công nhân xây dựng không biết tiếng Kinh, họ đến từ các vùng cao của Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Điện Biên ...

II.1.1. Lực lượng lao động phân theo giới tính và theo khu vực

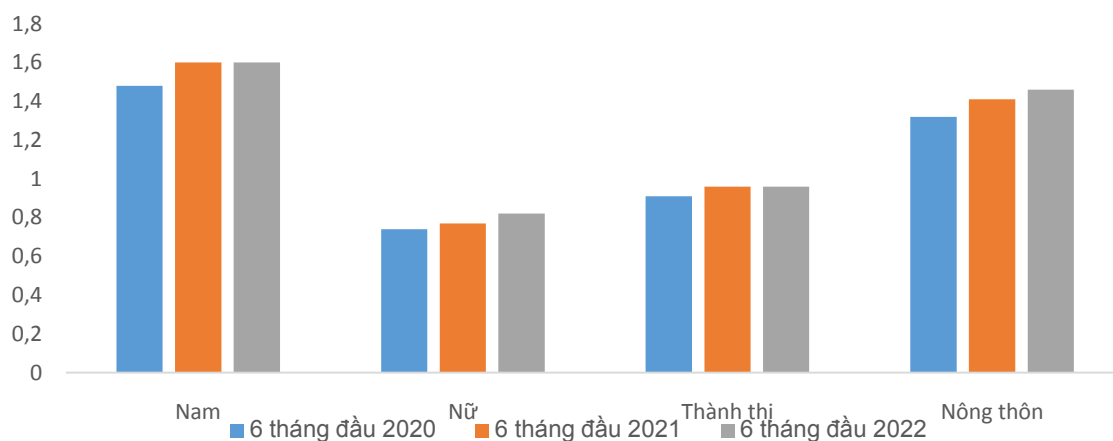
Về tình hình lao động việc làm:

Quý 1/2022, dịch bệnh Covid-19 lan rộng, nhưng đại đa số người dân đã được tiêm chủng và chúng ta đã kiểm soát được dịch bệnh, số người tử vong và bệnh nặng chiếm tỷ lệ rất thấp. Sang đến Quý 2/2022, mọi sinh hoạt và hoạt động sản xuất đã trở lại nhịp sống như khi chưa có dịch. Lực lượng lao động, số người có việc làm tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt lao động trong ngành dịch vụ tăng đáng kể so với quý trước. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động mặc dù cao hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái và 6 tháng cuối năm 2022.

Bảng 1. Lực lượng lao động ngành xây dựng

Đơn vị tính: triệu người

Nội dung	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022
LLLĐ ngành xây dựng	2,23	2,37	2,42
- Nam	1,48	1,60	1,60
- Nữ	0,74	0,77	0,82
- Thành thị	0,91	0,96	0,96
- Nông thôn	1,32	1,42	1,46



Đơn vị tính: triệu người

Hình 5. Biểu đồ lực lượng lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2022**II.1.2. Chất lượng lao động ngành xây dựng:**

Chất lượng lao động ngành xây dựng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng suất lao động, tiến độ thực hiện dự án, chất lượng của công trình. Tuy nhiên, chất lượng lao động ngành xây dựng cho đến thời điểm hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế do phần lớn lao động ngành xây dựng là nhân công thời vụ, chưa qua đào tạo.

II.2. Thu nhập bình quân của lao động ngành xây dựng

Kể từ giữa Quý I năm 2022 thị trường lao động đang dần khởi sắc ở nhiều ngành kinh tế trong đó có ngành xây dựng, thu nhập bình quân của người lao động có được gia tăng. Thu nhập bình quân tháng của người lao động ước khoảng 7,4 triệu đồng/tháng tăng khoảng 410 nghìn đồng so với cùng kỳ năm ngoái^[6].

6-Nguồn: số liệu khảo sát của VKTXD

Theo số liệu điều tra của nhóm khảo sát, thì thu nhập bình quân của công nhân ngành xây dựng có việc làm 6 tháng đầu năm 2022 đạt mức bình quân khoảng 6,3 - 6,7 triệu đồng/tháng, vẫn ở mức trung bình so với các ngành sản xuất khác. Lao động phổ thông có thu nhập bình quân khoảng 5,4 - 6,0 triệu đồng/tháng. Lao động có tay nghề thu nhập bình quân khoảng 6,5 - 7,5 triệu đồng/tháng. Một số thợ có tay nghề cao như thợ hoàn thiện, điện nước, vận hành máy ủi, máy xúc... thu nhập khoảng 10,0 - 12 triệu đồng/tháng.

II.3. Cung, cầu lao động

Sau thời kỳ ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 ở các năm 2020 và 2021, sang các tháng đầu năm 2022, cùng với việc đẩy nhanh tiến độ thi công, mở mới các dự án trọng điểm cũng như đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là động lực thúc đẩy sự hồi phục của thị trường lao động ngành xây dựng. Nhu cầu về nhân lực ngành xây dựng có những tín hiệu tích cực trở lại. Tuy nhiên ở một số địa phương và một số dự án vẫn có tình trạng khan hiếm cục bộ nguồn lao động.

Lao động xây dựng có chuyên môn, có kỹ năng luôn được các nhà thầu thi công tìm kiếm. Tuy nhiên thị trường lao động ngành xây dựng vẫn còn thiếu hụt về lao động có chuyên môn.

II.4. Đánh giá về thị trường nhân công xây dựng 6 tháng đầu năm 2022

Việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công cũng như đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là động lực thúc đẩy sự hồi phục của thị trường lao động ngành xây dựng trong các tháng đầu năm 2022.

Thu nhập bình quân của người lao động được cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng lao động ngành xây dựng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động.

Ngành xây dựng chưa thực sự thu hút đối với lực lượng lao động kể cả lao động nông thôn. Có một thực tế đang diễn ra là một số các dự án tư nhân lớn (Chủ đầu tư sở hữu các đơn vị thi công) khi có yêu cầu gấp về tiến độ họ sẵn sàng trả công cao gấp 1,3-1,5 lần so với thị trường, dẫn đến việc thu hút nhân công của các dự án khác và tạo ra các cơn sốt nhân công cục bộ.

III. Một số thông tin về thị trường lao động và một số chính sách có liên quan đến tình hình thị trường lao động ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2022

Ngày 12/6/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Các địa phương tiếp tục thực hiện công bố đơn giá nhân công xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.

III.1. Một số chính sách, văn bản về lao động, tiền lương nhân công xây dựng và nhận định

Cho đến thời điểm hiện tại, từ khi Thông tư số 13/2021/TT-BXD có hiệu lực, đã có 61/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có các văn bản hướng dẫn công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13/2021/TT-BXD.

So với 6 tháng cuối năm 2021 đã có thêm 04 địa phương có văn bản hướng dẫn công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13 là Hà Nội, Quảng Ninh, Cần Thơ và Vĩnh Long. Các tỉnh sau đã có các văn bản/quyết định thay thế cho các văn bản/quyết định đã công bố/ban hành trong 6 tháng cuối năm 2021: Bạc Liêu, Bình Định, Bình Dương Cà Mau, Cao Bằng, Đồng Tháp, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Kon Tum, Lâm Đồng, Long An, Nam Định, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Nam, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Yên Bái.

Cho đến thời điểm hiện tại còn 02 địa phương chưa có các văn bản hướng dẫn công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13 là Thái Nguyên và Đà Nẵng như Phụ lục I kèm theo.

Nhìn chung đơn giá nhân công được các địa phương công bố đều nằm trong khung đơn giá nhân công theo hướng dẫn tại Phụ lục IV Thông tư 13.

III.2. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm và trình độ tay nghề trên thị trường lao động 6 tháng đầu năm 2022

II.2.1. Giá nhân công xây dựng tính theo đơn vị sản phẩm trên thị trường lao động ở các khu vực kinh tế trọng điểm^[7].

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nhân công thực hiện công tác	Đơn vị	Đơn giá		
			Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung
			Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng
1	Xây tường 220mm	m3	550-630	710-820	510-600
2	Xây tường 110mm	m3	660	880	640-700
3	Xây gạch không nung	m3	620	590	550
4	Trát tường trong nhà	m2	75	78	60
5	Trát trần, dầm, cột	m2	80	90	75
6	Trát tường ngoài nhà không trừ cửa sổ và các lỗ (chưa có	m2	90	95	85

7-Nguồn: số liệu khảo sát của VKTXD

STT	Nhân công thực hiện công tác	Đơn vị	Đơn giá		
			Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung
			Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng
	công bắc giáo)				
7	Tháo lắp giáo	m2	25	25	20
8	Ốp	m2	115	125	90
9	Lát	m2	85	85	75
10	Xây bậc thang (chiều dài bậc 1÷1,2m)	bậc	75	90	85
11	Trát bậc thang (chiều dài bậc 1÷1,2m)	m2	70	80	65
12	Làm granito bao gồm trát lót	m2	230	220	220
13	Làm cốp pha	m2	85	100	85
14	Làm cốt thép	kg	2,5	4,0	2,5
15	Đổ bê tông móng	m3	120	120	85
16	Đổ bê tông sàn, dầm	m3	150	150	120
17	Đổ bê tông cột	m3	210	230	180
18	Làm điện	m2	135	120	105
19	Làm nước	m2	120	120	90

Qua số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát thực tế thu thập giá nhân công bình quân cho một đơn vị sản phẩm tại các khu vực kinh tế trọng điểm tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái.

III.2.2 Giá nhân công xây dựng theo trình độ tay nghề qua khảo sát trên thị trường lao động ở một số địa phương^[8].

8-Nguồn: số liệu khảo sát của VKTXD

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Trình độ tay nghề	Công trình dân dụng		
		Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Trung
		Hà Nội	TP. HCM	Đà Nẵng
1	Nhân công có tay nghề thấp	260-280	260-300	235-260
2	Nhân công có tay nghề trung bình	330-360	350-390	280-330
3	Nhân công có tay nghề cao	420-440	440-460	370-400

Theo số liệu khảo sát mà nhóm khảo sát điều tra thu thập được, mặc dù trong lĩnh vực xây dựng, vẫn còn tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp, tuy nhiên đơn giá ngày công trả cho người lao động có tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021.

III.3 Về khung đơn giá nhân công xác định theo Thông tư 13/2021/TT-BXD và mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 38 thì mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng. Sau khi so sánh với cấp bậc thợ 3,0/7 ở mức min của khung đơn giá nhân công tại Thông tư 13 (cấp bậc 3,0/7 là thấp nhất trong hệ thống định mức tương đương lao động tay nghề thấp trên thị trường), thì khung đơn giá nhân công tại Thông tư 13 vẫn phù hợp quy định của Nghị định số 38 về mức lương tối thiểu (lớn hơn từ 8,2% tại Vùng I đến 25,8% tại vùng IV) như tại Bảng 2.

Bảng 2. So sánh khung đơn giá nhân công theo Thông tư 13/2021/TT-BXD và mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP

Đơn vị tính: đồng/ngày công

Vùng	Mức lương ngày công		
	Mức min khung đơn giá TT13 (cấp bậc 3,0/7)	Mức lương tối thiểu NĐ38	Tỷ lệ khung ĐG T13/mức lương NĐ38 (%)
I	194.783	180.000	108,2
II	178.322	160.000	111,5
III	164.605	140.000	117,6
IV	157.289	125.000	125,8

IV. Dự báo cho kỳ tiếp theo

Bước vào năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã dần trở lại trạng thái bình thường mới, dịch bệnh Covid-19 cơ bản đã được kiểm soát, tạo tiền đề phục hồi và phát triển các ngành kinh tế trong đó có ngành xây dựng. Tuy nhiên, giá cả một số đầu vào cho sản xuất tăng, nhất là giá xăng dầu, nguồn nhân lực lao động thiếu hụt cục bộ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù vậy Quý 1 năm 2022, GDP đã tăng trưởng 5,03%, 6 tháng đầu năm mức tăng trưởng GDP khoảng 6,42%.

Với quyết tâm của Chính phủ về nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, nhất là mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6%-6,5% cùng với việc quyết liệt triển khai các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công, chủ trương điều chuyển vốn đầu tư công năm 2022 của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương chậm triển khai cho các đơn vị, dự án khác có khả năng hoàn thành sớm, đẩy nhanh việc hoàn thành thủ tục và giải ngân, việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia, khởi công các dự án mới trong năm 2022 về giao thông, giáo dục, văn hóa, năng lượng, nông nghiệp, y tế, xã hội... tạo động lực mới cho sự phát triển chung của đất nước cũng như ngành công nghiệp xây dựng nói riêng. Điều này cũng là tiền đề cho thị trường lao động ngành xây dựng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực trong các tháng cuối năm 2022.

IV. Kết luận và kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Viện Kinh tế xây dựng có báo cáo tình hình diễn biến thị trường nhân công xây dựng 6 tháng đầu năm 2022 như trên và có một số kiến nghị như sau:

- Các cơ quan có trách nhiệm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng lao động ngành xây dựng hiện chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Có các biện pháp khuyến khích nhằm thu hút lao động (tăng thu nhập, tăng các chế độ đãi ngộ, phụ cấp thâm niên, đào tạo miễn phí...) cho ngành xây dựng, nhằm tạo được lực lượng lao động xây dựng chuyên nghiệp, ổn định, có kiến thức và kỹ năng nghề.

- Đến thời điểm hiện tại hầu hết các địa phương đã công bố đơn giá nhân công theo hướng dẫn của Thông tư 13 phù hợp với mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019. Kể từ ngày 01/7/2022 khi Nghị định số 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu có hiệu lực thi hành, đề nghị các địa phương nghiên cứu, khảo sát đơn giá nhân công trên thị trường để điều chỉnh công bố đơn giá nhân công của địa phương mình cho phù hợp với quy định.

PHỤ LỤC I

Bảng tổng hợp tình hình công bố giá nhân công tại các địa phương theo Thông tư 13/2021/TT-BXD

STT	Tên tỉnh/ thành	Tình trạng		Quyết định, Văn bản công bố giá nhân công
		Đã công bố	Chưa công bố	
1	An Giang	✓		Quyết định 2372/QĐ-UBND ngày 15/10/2021
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	✓		Quyết định 157-158/QĐ-SXD ngày 28/9/2021
3	Bắc Giang	✓		Quyết định 292/QĐ-SXD ngày 15/10/2021
4	Bắc Kạn	✓		Quyết định 1960/SXD-KTXD ngày 25/10/2021

STT	Tên tỉnh/ thành	Tình trạng		Quyết định, Văn bản công bố giá nhân công
		Đã công bố	Chưa công bố	
5	Bạc Liêu	✓		Quyết định 19/QĐ-SXD ngày 21/02/2022
6	Bắc Ninh	✓		Quyết định 391/QĐ-UBND ngày 15/10/2021
7	Bến Tre	✓		Quyết định 2428-2429/QĐ-UBND ngày 15/10/2021
8	Bình Định	✓		Quyết định 973/UBND-KT ngày 28/02/2022
9	Bình Dương	✓		Quyết định 148/QĐ-SXD ngày 14/01/2022
10	Bình Thuận	✓		Văn bản 255-256/QĐ-SXD ngày 8/10/2021
11	Bình Phước	✓		Quyết định 2932/QĐ-SXD ngày 14/10/2021
12	Cao Bằng	✓		Quyết định 2578/QĐ-UBND ngày 28/12/2021
13	Cà Mau	✓		Quyết định 01/QĐ-SXD ngày 05/01/2022
14	Cần Thơ	✓		Quyết định 3513/QĐ-UBND ngày 24/11/2021
15	Đắk Lắk	✓		Quyết định 313/SXD-KTVLXD ngày 14/02/2022
16	Đắk Nông	✓		Văn bản số 671/SXD-KT&QLXD ngày 21/04/2022
17	Đà Nẵng		X	
18	Điện Biên	✓		Quyết định 2079/QĐ-SXD ngày 15/10/2021
19	Đồng Nai	✓		Quyết định 126/QĐ-SXD ngày 14/10/2021
20	Đồng Tháp	✓		Quyết định 406/QĐ-SXD ngày 29/12/2021
21	Gia Lai	✓		Quyết định 40/SXD-QLXD ngày 10/01/2022
22	Hà Giang	✓		Quyết định 114-117/QĐ-SXD ngày 15/10/2021
23	Hà Nam	✓		Văn bản số 2748/HD-SXD ngày 22/10/2021
24	Hà Tĩnh	✓		Quyết định 78/QĐ-SXD ngày 26/5/2022
25	Hà Nội	✓		Quyết định 1265/QĐ-SXD ngày 31/12/2021

STT	Tên tỉnh/ thành	Tình trạng		Quyết định, Văn bản công bố giá nhân công
		Đã công bố	Chưa công bố	
26	Hải Dương	✓		Quyết định 1689/SXD-QLN ngày 03/11/2021
27	Hải Phòng	✓		Quyết định 117/QĐ-SXD ngày 24/03/2022
28	Hậu Giang	✓		Văn bản 93/QĐ-SXD ngày 14/10/2021
29	Hòa Bình	✓		Quyết định số 31/QĐ-SXD ngày 21/03/2022
30	TP. Hồ Chí Minh	✓		Quyết định số 1396/QĐ-SXD-KTXD ngày 15/10/2021
31	Hung Yên	✓		Quyết định số 32/QĐ-SXD ngày 08/04/2022
32	Khánh Hòa	✓		Quyết định số 11390/UBND-XDND ngày 11/11/2021
33	Kiên Giang	✓		Quyết định 2430/QĐ-UBND ngày 13/10/2021
34	Kon Tum	✓		Quyết định 74/SXD-QLXD ngày 13/01/2022
35	Lai Châu	✓		Quyết định 88-89/QĐ-SXD ngày 18/10/2021
36	Lâm Đồng	✓		Quyết định số 02/QĐ-SXD ngày 12/01/2022
37	Lạng Sơn	✓		Quyết định 1783/SXD-QLXD ngày 12/10/2021
38	Lào Cai	✓		Quyết định 943/QĐ-SGTVTXD ngày 09/11/2021
39	Long An	✓		Quyết định số 170/QĐ-SXD ngày 22/04/2022
40	Nam Định	✓		Quyết định 65/QĐ-SXD ngày 28/4/2022
41	Nghệ An	✓		Quyết định 4799/QĐ-SXD ngày 23/12/2021
42	Ninh Bình	✓		Văn bản 2779/HD-SXD ngày 15/10/2021
43	Ninh Thuận	✓		Quyết định 3882/QĐ-SXD ngày 13/10/2021
44	Phú Thọ	✓		Quyết định 84/QĐ-SXD ngày 01/06/2022
45	Phú Yên	✓		Quyết định số 135-136/QĐ-SXD ngày 12/10/2021
46	Quảng Bình	✓		Quyết định số 75/QĐ-SXD ngày 13/01/2022

STT	Tên tỉnh/ thành	Tình trạng		Quyết định, Văn bản công bố giá nhân công
		Đã công bố	Chưa công bố	
47	Quảng Ngãi	✓		Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 18/10/2021
48	Quảng Ninh	✓		Quyết định 4684/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
49	Quảng Nam	✓		Quyết định số 210/QĐ-SXD ngày 21/12/2021
50	Quảng Trị	✓		Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2021
51	Sóc Trăng	✓		Văn bản 64/QĐ-SXD ngày 14/10/2021
52	Son La	✓		Quyết định 3298/QĐ-SXD ngày 31/12/2021
53	Tây Ninh	✓		Quyết định số 10/QĐ-SXD ngày 18/01/2022
54	Trà Vinh	✓		Quyết định 148/QĐ-SXD ngày 12/10/2021
55	Thái Bình	✓		Quyết định 04/QĐ-SXD ngày 14/01/2022
56	Thái Nguyên		X	
57	Thanh Hóa	✓		Quyết định số 223/QĐ-SXD ngày 11/01/2022
58	Thừa Thiên Huế	✓		Quyết định 2616/QĐ-UBND ngày 15/10/2021
59	Tuyên Quang	✓		Quyết định số 23/QĐ-SXD ngày 26/01/2022
60	Tiền Giang	✓		Quyết định số 220/QĐ-SXD ngày 14/10/2021
61	Vĩnh Phúc	✓		Văn bản 3795/SXD-KTVLXD ngày 05/10/2021
62	Vĩnh Long	✓		Quyết định số 08/QĐ-SXD ngày 14/01/2022
63	Yên Bái	✓		Quyết định số 09/QĐ-SXD ngày 11/01/2022
Tổng cộng		61	63	